

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 85/2017/HSST
Ngày: 22 – 11 – 2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Kim Triều**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Quốc Vinh**;
2. Ông **Nguyễn Văn Tạ**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Bé Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà **Đặng Thị Ngọc Đính**, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, số 169, Phạm Ngũ Lão, khóm 4, phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 92/2017/HSST, ngày 25 tháng 10 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. **Sơn Ngọc Đ**, sinh ngày 29-9-1994; tên gọi khác: không; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: số 312, khóm L, phường H, thành phố M, tỉnh N; nghề nghiệp: làm hồ; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Khmer; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: phật; con ông Sơn H, sinh năm 1970 và bà Trần Thị D, sinh năm 1965; vợ Lý Thị Ngọc L, sinh năm 1993; con 01 người sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 23/8/2017 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Trần Thị D**, sinh năm 1965; tên gọi khác: không; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: số 312, khóm L, phường H, thành phố M, tỉnh N; nghề nghiệp: mua bán; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Khmer; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: phật; con ông Trần K, sinh năm 1935 (đã mất) và bà Thạch Thị H, sinh năm 1937; chồng Sơn H, sinh năm 1970 (đã ly hôn); con 02 người lớn nhất sinh năm 1992 (đã chết), nhỏ nhất sinh năm 1994, bị cáo được tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Bà **Huỳnh Thị Hồng L**, sinh năm 1969 (đã chết)

Đại diện hợp pháp của người bị hại: có ông **Nguyễn Hùng Q**; sinh năm 1965 là chồng của bị hại. (có mặt)

Địa chỉ: Khóm B, phường F, thành phố M, tỉnh N.

- Người làm chứng:

1. Bà **Lương Thị T**, sinh năm 1971 (vắng mặt),

Địa chỉ: Khóm C, phường F, thành phố M, tỉnh N;

2. Chị **Lương Thị Thu T**, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm C, phường F, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ, ngày 12 tháng 6 năm 2017, tại nhà số 312, khóm L, phường H, thành phố M, bị cáo Sơn Ngọc Đ hỏi mượn xe mô tô biển kiểm soát 84C1 – 200.35 (xe không có tham gia bảo hiểm) của mẹ ruột là bị cáo Trần Thị D để chở con đi khám bệnh. Mặc dù biết Đ không có giấy phép lái xe, nhưng bị cáo D vẫn đồng ý giao xe cho Đ mượn. Khi có được xe Đ điều khiển chở vợ Lý Thị Ngọc L và con Sơn Thị Mỹ N đi khám bệnh, sau khi khám bệnh xong, Đ điều khiển xe chở vợ, con về nhà cha, mẹ vợ tại khóm C, phường F, thành phố M chơi, bị cáo để xe tại đây và đi bộ qua nhà anh Thạch C để uống rượu cùng với anh C, Châu Hát N (Châu Huỳnh Đ) và anh Phạm Thanh T (K). Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày chị L điện thoại cho bị cáo D để hỏi thăm sức khỏe do lúc sáng bị cáo D thấy trong người hơi mệt. Nhận được điện thoại bị cáo D nhờ chị L nhắc lại kêu Đ về nhà chở bị cáo D đi khám bệnh, sau khi nghe điện thoại chị L đến chỗ bị cáo đang uống rượu nhắc lại lời của bị cáo D, thì Đ liền về nhà cha, mẹ vợ lấy xe mô tô 84C1-200.53 để về chở bị cáo D đi khám bệnh, Đ một mình điều khiển xe lưu thông trên quốc lộ 60, hướng từ ngã tư Sâm Bua về hướng tượng đài phường F, với vận tốc 60 km/h, khi đến gần trụ điện số 7, thuộc khóm C, phường F, thành phố Trà Vinh, Đ thấy có một chiếc xe ô tô chạy cùng chiều phía trước, nên bị cáo vượt xe ô tô, lấn sang lề trái thì phát hiện phía trước có xe mô tô mang biển kiểm soát 84H1- 263.57 do bà Huỳnh Thị Hồng L điều khiển chạy hướng ngược lại. Do trong người có sử dụng rượu (bia) có nồng độ còn vượt quá mức quy định (1,023mg/1lít thở), chạy với vận tốc nhanh và không làm chủ được tay lái bị cáo đã đụng vào xe làm cho bà L té ngã. Tai nạn xảy ra bà L bị thương nặng được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Trà Vinh, sau đó chuyển lên bệnh viện Chợ Rẫy thành phố Hồ Chí Minh đến ngày 13/6/2017 thì bà L tử vong.

Đối với bị cáo D, biết Đ không có giấy phép lái xe, biết việc giao xe cho người không đủ điều kiện điều khiển xe tham gia giao thông là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn giao xe mô tô 84C1-200.35 cho Đ điều khiển gây tai nạn dẫn đến chết người.

Tại bản kết luận giám định pháp y số: 187/KLGĐ(PY), ngày 14/6/2017, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh kết luận nguyên nhân chính dẫn đến bà L tử vong là do chấn thương sọ não nặng.

Qua khám nghiệm hiện trường xác định:

Tai nạn xảy ra trên đoạn đường thẳng, mặt đường rộng 7,7m, trải bê tông nhựa bằng phẳng, không có biển báo giao thông, đường hai chiều, có vạch kẻ đường chia đường thành hai chiều xe chạy riêng biệt, tầm nhìn không bị che khuất, có hệ thống cống thoát nước ở hai bên đường rộng 0,9 m, phương tiện qua lại trên đường đông đúc, hoạt động giao thông diễn ra trên đường bình thường. Điểm mốc là trụ điện số 7 ở bên lề phải hướng từ tượng đài phượng 8 về hướng ngã tư Sam Bua và cũng được chọn là mép đường chuẩn. Xe mô tô 84C1-200.35 sau va chạm xe ngã về phía bên phải của xe, đầu xe hướng vào mép đường chuẩn và hơi lệch về ngã tư Sam Bua, đuôi xe hướng vào lề trái và lệch về hướng tượng đài phượng F. Tâm trục bánh xe trước cách mép đường chuẩn là 3,4m, tâm trục bánh xe sau cách mép đường chuẩn là 4,3m. Xe mô tô 84H1-26357 sau khi va chạm xe ngã bên lề phải, đầu xe hướng về ngã tư Sam Bua, đuôi xe hướng về tượng đài phượng F, tâm xe cách điểm mốc là 5,7m, tâm trục bánh trước cách mép đường chuẩn là 1m, tâm trục bánh sau cách mép đường chuẩn là 0,8m.

Điểm đụng, vùng va chạm cách mép lề chuẩn là 1,5m.

Theo bảng phân tích lỗi số: 38, ngày 01/8/2017, của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Trà Vinh xác định do bị cáo Sơn Ngọc Đ điều khiển xe mô tô không có giấy phép lái xe, trong cơ thể có nồng độ cồn là 1,023mg/1 lít khí thở, giành đường, vượt ẩu vi phạm khoản 8,9,11 Điều 8 Luật giao thông đường bộ. Viện kiểm Sát còn xác định Đ điều khiển xe đi không đúng phần đường quy định và vượt xe chưa đủ điều kiện là vi phạm khoản 1 Điều 9, khoản 1,2 Điều 14 Luật giao thông đường bộ (2008).

Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã trả lại cho gia đình bị hại 01 xe mô tô 84 H1-263.57, số máy JF63E1081834, số khung 6307FZ081813, 01 giấy phép lái xe A1 số 841997000169, 01 giấy đăng ký xe số 009733 và 01 bảo hiểm xe số 161152895. Thu giữ 01 xe mô tô 84C1- 200.35, số máy 5C6H 105017, số khung RLCS 5C6HDEY 105004.

Tại bản cáo trạng số: 74/VKS-HS, ngày 23 - 10 - 2017 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh đã truy tố bị cáo Sơn Ngọc Đ về tội “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*” theo điểm a, b khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự. Bị cáo Trần Thị D về tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường bộ*” theo khoản 1 Điều 205 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối bị cáo Sơn Ngọc Đ về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, bị cáo Trần Thị D về tội Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường bộ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a,b khoản 2 Điều 202, điểm b,p khoản 1 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đ 04 đến 05 năm tù, áp dụng khoản 1 Điều 205, điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 31 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo D từ 01 đến 02 năm cải tạo không giam giữ. về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo Đ, D bồi thường cho gia đình bị hại số tiền: 130.000.000 đồng tiền tổn thất tinh thần và tiền cấp dưỡng nuôi con 650.000 đồng/tháng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bị hại mất, nhưng được trừ vào số tiền 10.000.000 đồng các bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho gia đình người bị hại. Về tang vật vụ án tiếp tục quản lý

01 xe mô tô 84C1- 200.35, số máy 5C6H 105017, số khung RLCS 5C6HDEY 105004 của bị cáo D để đảm bảo thi hành án, ngoài ra các bị cáo phải đóng án phí theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện gia đình bị hại ông Nguyễn Hùng Q yêu cầu về trách nhiệm hình sự xử phạt khiếm khắc đối với các bị cáo, về trách nhiệm dân sự về các khoản tiền như:

- Tiền xe đưa bị hại đi cấp cứu từ TP Trà Vinh – đến TP Hồ Chí Minh là 6.180.000 đồng.
- Tiền thuốc, viện phí là 3.667.000 đồng
- Tiền mai táng (tiền hòm, đạo tỳ, rạp, bàn ghế, đồ lăm, đồ quan, xe đưa) là 33.000.000 đồng.
- Tiền xây mộ (vật tư xây dựng, nhân công....) là 13.950.000 đồng.
- Tiền sửa xe mô tô 84H1- 263.57 là 9.927.705 đồng.

Ông Q rút lại không yêu cầu các bị cáo bồi thường, chỉ yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền tổn thất tinh thần bằng 100 tháng lương tối thiểu với số tiền 130.000.000 đồng và tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000 đồng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, nhưng được trừ vào số tiền 10.000.000 đồng mà các bị cáo đã bồi thường trước đây.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: các bị cáo không trình bày lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Trà Vinh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, gia đình bị hại không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Sơn Ngọc Đ và Trần Thị D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như bản cáo trạng đã truy tố, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người làm chứng, vật chứng đã thu giữ, các tài liệu về sơ đồ hiện trường, sơ đồ do bị cáo Đ xác định điểm đụng, vùng va chạm, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh, giám định..... và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 12 tháng 6 năm 2017 dù biết bị cáo Sơn Ngọc Đ không có giấy phép lái xe, nhưng bị cáo Trần Thị D vẫn đồng ý giao xe mô tô 84C1-200.35 của mình cho bị cáo Đ điều khiển trên quốc lộ 60, thuộc khóm 6, phường 8, thành phố Trà Vinh, mà trong người có nồng độ cồn trong máu 1,023mg/1 lít khí thở, đã có hành vi vượt ẩu, lấn sang

lề trái gây tai nạn cho bà Huỳnh Thị L đang điều khiển xe mô tô 84H1- 263.57 đang điều khiển theo chiều ngược lại dẫn đến bà L tử vong. Tội phạm và hình phạt của bị cáo Đ được quy định tại điểm a,b khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự, của bị cáo D được quy định tại khoản 1 Điều 205 Bộ luật hình sự.

Xét tính chất của vụ án và hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xe mô tô là nguồn nguy hiểm cao độ, do đó pháp luật về giao thông đường bộ quy định khi phương tiện tham gia giao thông thì người điều khiển phương tiện phải có giấy phép lái xe, không được sử dụng rượu, bia vượt quá quy định. Do xem thường các quy định của pháp luật, bị cáo Đ điều khiển xe lưu thông trên đường mà không có bằng lái xe, còn sử dụng rượu, bia vượt quá quy định, tránh vượt không đảm bảo, lấn sang lề trái dẫn đến gây tai nạn làm bà L tử vong, hành vi của bị cáo vi phạm khoản 8, 9, 11 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1,2 Điều 14 luật giao thông đường bộ. Đối với bị cáo D không trực tiếp gây tai nạn, nhưng biết rõ bị cáo Đ không có giấy phép lái xe mà vẫn giao xe cho Đ điều khiển dẫn đến hậu quả chết người đã vi phạm khoản 10 Điều 8 luật giao thông đường bộ. Hành vi của các bị cáo làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn giao thông tại địa phương, xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của người khác. Do đó cần dành cho các bị cáo mức án tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của các bị cáo để có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

Khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét, cân nhắc về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 48 bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự các bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho gia đình bị hại, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại b,p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, ngoài ra bị cáo D có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự và áp dụng nguyên tắc có lợi cho người phạm tội tại điểm a khoản 1 Điều 264 Bộ luật hình sự năm 2015, theo hướng dẫn của Nghị quyết 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

[5] Về vật chứng của vụ án: Tiếp tục quản lý 01 xe mô tô 84C1- 200.35, số máy 5C6H 105017, số khung RLCS 5C6HDEY 105004 của bị cáo D để đảm bảo thi hành án.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa đại diện gia đình bị hại ông Nguyễn Hùng Q yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền tổn thất tinh thần 130.000.000 đồng và tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000 đồng cho đến khi cháu Khôi đủ 18 tuổi, đồng ý được cản trừ số tiền các bị cáo bồi thường 10.000.000 đồng trước đây.

Căn cứ vào Nghị quyết số: 03/2006/NQ-HĐTP, ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Điều 591 Bộ luật dân sự. Xét thấy ông Q yêu cầu bị cáo bồi thường khoản tiền tổn thất tinh thần, yêu cầu này là phù hợp với pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra cái chết cho bà L, làm cho gia đình phải chịu cảnh đau thương, mất người thân, sự mất mát đó sẽ ảnh

hưởng đến tinh thần của gia đình vì đó là vợ, là mẹ của các con là người thân thiết nhất trong gia đình bị hại, nên sự mất mát đó cần được bù đắp. Tuy nhiên ông Q yêu cầu bị cáo bồi thường tổn thất tinh thần bằng 100 tháng lương tối thiểu là quá cao so với thực tế và tính chất của vụ việc, nên chấp nhận 50 tháng lương tối thiểu với số tiền là 65.000.000 đồng sẽ hợp tình, hợp lý hơn.

Như vậy tổng số tiền bồi thường 65.000.000 đồng được trừ đi số tiền đã được bồi thường trước đây 10.000.000 đồng, nên các bị cáo tiếp tục bồi thường cho gia đình bị hại là 55.000.000 đồng.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Đình Nguyên Ki, xét thấy đây là yêu cầu hợp lý, vì đây là nghĩa vụ mà người bị thiệt hại có nghĩa vụ cấp dưỡng, nhưng hiện nay bà L đã chết, con của bà là cháu K chưa trưởng thành, nên yêu cầu của ông Q buộc các bị cáo phải cấp dưỡng hàng tháng với số tiền 650.000 đồng cho cháu K đến khi cháu đủ 18 tuổi.

[7] Xét thấy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh truy tố bị cáo Sơn Ngọc Đ theo điểm a,b khoản 2 Điều 202 của Bộ luật hình sự, bị cáo Trần Thị D theo khoản 1 Điều 205 của Bộ luật hình sự, là có căn cứ đúng pháp luật, về mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đề nghị là phù hợp với tính chất và hành vi của bị cáo cũng như thiệt hại xảy ra.

[8] Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Sơn Ngọc Đ phạm tội “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*”. Bị cáo Trần Thị D phạm tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường bộ*”.

- Áp dụng điểm a,b khoản 2 Điều 202, điểm b,p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Sơn Ngọc Đ 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/8/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 205, điểm b,h, p khoản 1 Điều 46; Điều 31 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Thị D 01(một) năm, cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND phường H, thành phố M, tỉnh N nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Trần Thị D cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố M, tỉnh N, để giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Tiếp tục quản lý 01 xe mô tô 84C1- 200.35, số máy 5C6H 105017, số khung RLCS5C6HDEY 105004 của bị cáo D để đảm bảo thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự. Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 591, Điều 601 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Sơn Ngọc Đ và Trần Thị D bồi thường cho gia đình người bị hại đại diện là ông Nguyễn Hùng Q số tiền 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng) tiền tổn thất tinh thần và tiền cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Đình Nguyên K, sinh ngày 31/12/2005, hàng tháng 650.000 đồng (sáu trăm năm chục ngàn đồng) cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 13/6/2017.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, bị cáo Đ, D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Đ và bị cáo D phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng và 2.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm xét xử công khai, bị cáo và các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục THADS.TPTV;
- Các bị cáo và các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ (...)

(ĐÃ KÝ VÀ ĐÓNG DẤU)

Huỳnh Kim Triều